



**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **THÔNG BÁO**

**Về việc tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá**  
(Kèm theo Quyết định số **3993**/QĐ-BCT ngày 05 tháng 10 năm 2016  
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Theo quy định của Pháp lệnh số 20/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam ("Pháp lệnh 20/2004") và Nghị định số 90/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam ("Nghị định 90/2005"), Bộ Công Thương thông báo nội dung chi tiết về việc tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với mặt hàng thép hình chữ H nhập khẩu vào Việt Nam (mã số vụ việc AD03) như sau:

### **1. Thông tin cơ bản**

Ngày 07 tháng 7 năm 2016, Cục Quản lý cạnh tranh (Cơ quan điều tra) nhận được hồ sơ của công ty TNHH Posco SS Vina (sau đây gọi tắt là PSSV) đại diện cho ngành sản xuất trong nước yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình chữ H, có mã HS 7216.33.00, 7228.70.10 và 7228.70.90 từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, bao gồm cả Hồng Kông (sau đây gọi tắt là Trung Quốc) nhập khẩu vào Việt Nam, với cáo buộc cản trở đáng kể sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.

Ngày 19 tháng 7 năm 2016, Cơ quan điều tra xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Pháp lệnh 20/2004.

Ngày 16 tháng 8 năm 2016, Cơ quan điều tra thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tới Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Trung Quốc tại Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Pháp lệnh 20/2004.

Ngày 05 tháng 9 năm 2016, Bộ Công Thương ban hành quyết định 3599/QĐ-BCT gia hạn thời hạn ra quyết định điều tra thêm 30 ngày đối với hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép hình H.

**2. Bên yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá (sau đây gọi là nguyên đơn)**

Tên đầy đủ: Công ty TNHH POSCO SS VINA  
Địa chỉ: Phòng 1211, Lầu 12, Dimond Plaza, 34 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: +84.08.7301.2517  
Fax: +84.64.389.2301

Để xác định điều kiện về tư cách của Bên yêu cầu trong vụ việc này, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Cơ quan điều tra ban hành công văn 951/QLCT-P2 đề nghị Hiệp hội thép Việt Nam (“VSA”) cung cấp: (i) thông tin về các doanh nghiệp có năng lực sản xuất thép hình chữ H tại Việt Nam, (ii) sản lượng của các doanh nghiệp này trong giai đoạn từ tháng 4 năm 2013 đến hết 6 tháng năm 2016; và (iii) ý kiến của các doanh nghiệp về việc điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá.

Ngày 29 tháng 8 năm 2016, Cơ quan điều tra nhận được công văn 61/HHTVN của VSA cung cấp các thông tin về doanh nghiệp và sản lượng thép hình sản xuất tại Việt Nam, cụ thể như sau:

**Bảng 1: Danh sách các công ty sản xuất thép hình ở Việt Nam**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Công suất thiết kế (tấn)	Sản phẩm
1	Công ty Gang thép Thái Nguyên (“TISCO”)	Tỉnh Thái Nguyên	250,000	Thép hình U, I, V
2	Công ty CP Thép Nhà Bè	Tỉnh Đồng Nai	35,000	Thép hình V
3	Công ty CP Cơ khí và kết cấu thép Sóc Sơn	Thành phố Hà Nội	100,000	Thép hình U, I, V
4	Công ty TNHH Posco SS Vina (“PSSV”)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	700,000	Thép hình H
5	Công ty CP Thép Hàn Việt	Thành phố Hà Nội	100,000	Thép hình V

Dựa trên thông tin do VSA cung cấp, Cơ quan điều tra xác định Công ty TNHH Posco SS Vina là công ty duy nhất tại Việt Nam sản xuất sản phẩm thép hình chữ H. Theo đó, sản lượng của Công ty TNHH Posco SS Vina được xác định là sản lượng của ngành sản xuất trong nước và Công ty TNHH Posco SS Vina đủ



đề đại diện cho ngành sản xuất trong nước nộp hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá theo quy định của pháp luật của WTO và Việt Nam.

### 3. Hàng hóa bị điều tra

**Mô tả:** Thép hình H có cấu trúc một thân bụng thẳng ở giữa cùng với hai cánh nằm ngang ở trên và dưới. Còn được biết đến như là “dầm thép H”, “dầm thép W”<sup>1</sup> hoặc thép dầm cánh rộng.

**Phân loại theo Mã HS/AHTN:** 7216.33.00, 7228.70.10 và 7228.70.90.

**Các đặc tính cơ bản:** Theo Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật bản (“JIS”) hoặc nhưng đặc tính kỹ thuật của Hiệp hội Vật liệu và Thử nghiệm Hoa Kỳ (“ASTM”). Tuy nhiên, các nhà sản xuất Trung Quốc thêm vào Bo hoặc Crom để biến thành thép hợp kim.

**Mục đích sử dụng chính:** Ứng dụng của sản phẩm chủ đề bao gồm làm dầm hỗ trợ xây dựng những công trình công nghiệp, thương mại và nhà chung cư, cầu, công-ten-nơ và khung gầm xe tải, xây dựng hàng hải, sàn thép, khung máy và những ngành kỹ thuật khác.

Trong trường hợp các cá nhân, tổ chức nhận thấy mô tả sản phẩm hàng hóa bị điều tra và phân loại mã HS/AHTN không phù hợp với hàng hóa tương tự của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra khuyến nghị cá nhân, tổ chức liên hệ với Cơ quan điều tra và cung cấp thông tin, tài liệu làm căn cứ để Cơ quan điều tra điều chỉnh phạm vi hàng hóa bị điều tra.

### 4. Giai đoạn điều tra

- Giai đoạn điều tra hành vi bán phá giá (POI):
  - từ ngày 01/4/2015 đến 31/3/2016.
- Giai đoạn điều tra thiệt hại của ngành sản xuất trong nước:
  - POI: từ ngày 01/4/2015 đến 31/3/2016;
  - POI-1: từ ngày 01/4/2014 đến 31/3/2015;
  - POI-2: từ ngày 01/4/2013 đến 31/3/2014.

---

<sup>1</sup> W-beam (dầm W) hay W-Section (dầm thép W) đều có nghĩa là “Wide flange beam” (dầm cánh rộng) theo quy định của ASTM (Hiệp hội Vật liệu và Thử nghiệm Hoa Kỳ), và cũng giống với “H-beam” (dầm thép H) theo như quy định của JIS (Tiêu chuẩn công nghệ Nhật Bản). Đây là những thuật ngữ được sử dụng phổ biến trên thị trường, là tên thương mại tương tự nhau trong ngành công nghiệp thép.

## 5. Cáo buộc bán phá giá

Cáo buộc bán phá giá đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc được căn cứ trên việc so sánh giá trị thông thường và giá xuất khẩu của hàng hóa từ Trung Quốc. Hành vi bán phá giá của các nhà sản xuất/xuất khẩu của Trung Quốc được dựa trên việc so sánh giữa giá trị thông thường do Bên yêu cầu tự tính toán với giá hàng hóa được xuất khẩu vào Việt Nam.

Khoản 2, Điều 2 Pháp lệnh 20 quy định biên độ bán phá giá được xác định bằng khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá thông thường của hàng hóa so với giá xuất khẩu hàng hóa đó vào Việt Nam. Bên cạnh đó, Điều 3 Pháp lệnh 20 và Điều 26 Nghị định 90 cũng quy định về việc xác định giá thông thường và giá xuất khẩu khi tính toán biên độ bán phá giá, theo đó:

- Giá thông thường của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là giá có thể so sánh được của hàng hóa tương tự đang được bán trên thị trường nội địa của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu theo các điều kiện thương mại thông thường.
- Giá xuất khẩu của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam được tính bằng giá bán hàng hóa của nhà sản xuất hoặc nhà xuất khẩu nước ngoài bán cho nhà nhập khẩu tại Việt Nam, xác định thông qua các chứng từ giao dịch hợp pháp.

### 5.1. Giá trị thông thường

Bên yêu cầu đã cung cấp số liệu và tính toán giá thông thường của hàng hóa tương tự tại thị trường Trung Quốc được ước tính dựa trên giá bán nội địa tại thị trường Trung Quốc. Cụ thể, Bên yêu cầu đã thu thập giá thị trường hàng tháng của thép hình H từ trang web phổ biến về giá thị trường Trung Quốc (<http://www.mysteel.com>) dựa trên giá bình quân gia quyền hàng tháng trong POI.

Tiếp đó, Bên yêu cầu tiến hành ước tính xây dựng giá trị thông thường thông qua số liệu về chi phí sản xuất, tính toán lợi nhuận hợp lý. Bên yêu cầu đã xác định chi phí trung bình là 1930 (nhân dân tệ) theo số liệu tại trang 29 Phụ lục 21 của hồ sơ yêu cầu (Báo cáo thường niên của công ty China Oriental group company limited). Đồng thời, bên yêu cầu ước tính chi phí bán hàng (4%), chi phí tài chính (2%).

**Bảng 2: Chi phí sản xuất thép hình H tại Trung Quốc**

Chi phí đơn vị trung bình của các sản phẩm thép hình H	1,930 Nhân dân tệ/Tấn
--	-----------------------



Tỉ lệ chi phí bán hàng, chi phí chung và chi phí quản lý trên giá vốn hàng bán (COGS) (4,0 %)	77.2 Nhân dân tệ/Tấn
Tỉ lệ chi phí tài chính ròng trên giá vốn hàng bán (COGS) (2,0 %)	38.6 Nhân dân tệ/Tấn
Chi phí sản xuất	2,045.8 Nhân dân tệ/Tấn

**Bảng 3: Giá trị thông thường của thép hình H tại Trung Quốc**

Chi phí sản xuất	2,045.8 Nhân dân tệ/Tấn
Lợi nhuận hợp lý (9.3%)	190.3/Tấn
Trị giá tính toán cấu thành (constructed normal value)	2,236.1 Nhân dân tệ/ Tấn
Tỉ giá hối đoái trung bình (VND/Nhân dân tệ)	0.000287 (POI)
Trị giá tính toán cấu thành (VND) (constructed normal value)	VND 7,791,289/Tấn

Nguồn số liệu và phương thức xây dựng giá trị thông thường mà bên yêu cầu sử dụng phù hợp với thực tiễn và quy định về pháp luật chống bán phá giá. Như vậy, giá trị thông thường được ước tính đối với sản phẩm thép hình chữ H sản xuất tại Trung Quốc là VND 7,791,289/Tấn.

## 5.2. Giá xuất khẩu

Khoản 2, Điều 3 Pháp lệnh 20 quy định giá trị thông thường của hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam là giá của hàng hóa tương tự đang bán trên thị trường nội địa của nước đó trong điều kiện thương mại thông thường. Tuy nhiên, trong 2 trường hợp sau thì giá thông thường sẽ được tính toán theo cơ sở tự xây dựng hoặc dùng giá có thể so sánh được của nước xuất khẩu bán trên thị trường một nước thứ ba:

- khi không có hàng hóa tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu hoặc có hàng hóa tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu nhưng với khối lượng không đáng kể;
- khi hàng hóa tương tự đang bán trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu không theo điều kiện thương mại thông thường (bán dưới giá thành, hàng bán giữa các công ty liên kết hay theo các hợp đồng đền bù).

Căn cứ những quy định đó, bên yêu cầu đã cung cấp thông tin và giá thông thường của các doanh nghiệp xuất khẩu từ Trung Quốc theo phương pháp điều chỉnh từ giá nhập khẩu sản phẩm này từ Trung Quốc vào Việt Nam. Việc điều chỉnh giá được nguyên đơn ước tính sơ bộ từ việc khấu trừ các khoản chi phí về cước phí trên biển, bảo hiểm hàng hải, cước phí vận tải nội địa trên đất liền từ nhà máy đến cảng, thuế giá trị gia tăng, phí hợp kim. Nguồn số liệu của các chi phí được bên nguyên đơn lấy từ các bảng giá và thông tin từ Trung Quốc mà cơ quan điều tra xác định là tương đối hợp lý.

So sánh các số liệu do nguyên đơn thu thập được với số liệu từ Tổng cục Hải quan mà Cơ quan điều tra nhận được, các số liệu liên quan đến nhập khẩu do nguyên đơn sử dụng có sự tương đồng nhất định.

**Bảng 4: Giá xuất khẩu thép hình chữ H từ Trung Quốc vào Việt Nam**

Mô tả	SS400-Bo	SS400-Crom
Giá xuất khẩu trung bình (1)	326.9 USD	336.2 USD
Điều chỉnh	-	-
Cước phí trên biển	17 USD	17 USD
Bảo hiểm hàng hải	0.5 USD	0.5 USD
Cước phí vận tải nội địa trên đất liền từ nhà máy đến cảng	22.2 USD	22.2 USD
Điều chỉnh thuế giá trị gia tăng	26.2 USD	26.9 USD
Điều chỉnh phí hợp kim	0.1 USD	5.4 USD
Tổng điều chỉnh (2)	66 USD	72 USD
Giá xuất khẩu điều chỉnh/Tấn (1-2)	260.9 USD	264.2 USD
Giá xuất khẩu điều chỉnh/Tấn	5,797,777VND	5,871,111VND

*Nguồn: Hồ sơ yêu cầu*

Theo phân tích của bên yêu cầu, việc tính giá xuất khẩu được chia thành 2 loại sản phẩm là hợp kim Bo và hợp kim Crom. Trong khi đó, giá trị thông thường lại được xây dựng dựa trên số trung bình. Tuy nhiên, việc sử dụng số trung bình



trong hồ sơ yêu cầu được chấp nhận do việc thu thập số liệu nội bộ để xây dựng giá trị thông thường cụ thể với 2 loại sản phẩm sẽ gặp nhiều khó khăn.

### 5.3. Biên độ bán phá giá

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 2 Pháp lệnh 20, biên độ bán phá giá được xác định bằng khoảng chênh lệch có thể tính được giữa giá thông thường của hàng hóa nhập khẩu so với giá xuất khẩu hàng hóa đó vào Việt Nam.

**Bảng 5: Tính toán biên độ bán phá giá do nguyên đơn xây dựng**

	SS400-Boron	SS400-Chromuim
Tổng trị giá nhập khẩu (USD)	23,299,698	73,077,107
Tổng trị giá nhập khẩu (VND)	517,771,066,667	1,623,935,711,111
Tổng khối lượng nhập khẩu (Tấn)	71,269	217,381
Giá xuất khẩu đã được điều chỉnh (VND/MT)	5,797,777	5,871, 111
Giá thông thường (VND/tấn)	7,791,289	7,791,289
Trị giá biên độ phá giá (Tấn)	1,993,512	1,920,178
Giá CIF (đồng/tấn)	7,265,025	7,470,458
Tỷ lệ biên độ phá giá	27.40%	25.70%

*Nguồn: Hồ sơ yêu cầu*

Biên độ bán phá giá này đều lớn hơn mức tối thiểu (de minimis) là 2%, do đó đủ điều kiện tiến hành điều tra hành vi bán phá giá vào thị trường Việt Nam.

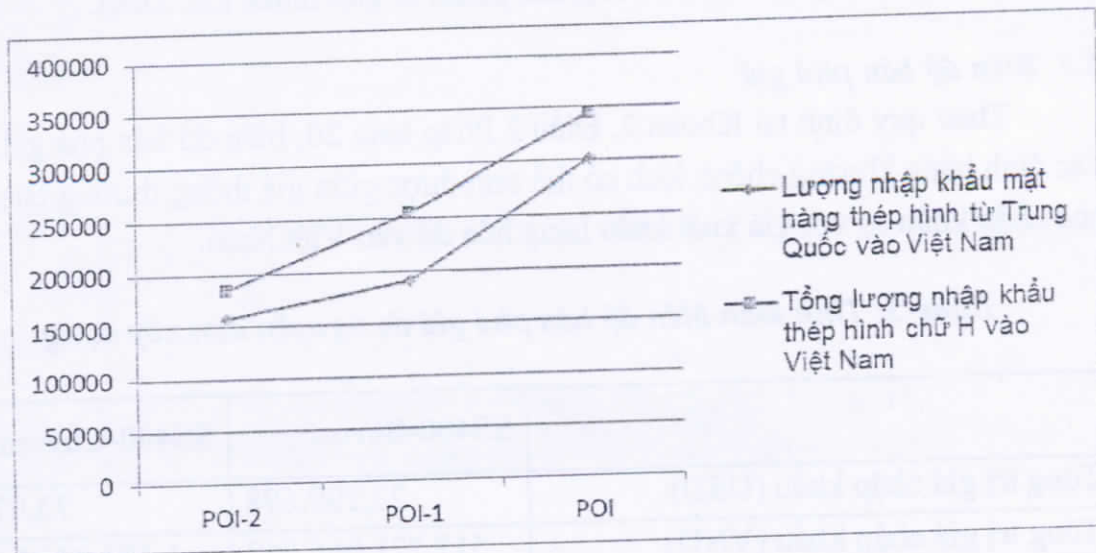
### 6. Lượng nhập khẩu bán phá giá

Tại mục C của hồ sơ, bên yêu cầu đã cung cấp các số liệu liên quan đến tình hình nhập khẩu mặt hàng thép hình chữ H vào Việt Nam và có các phân tích liên quan đến hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc.

**Bảng 6: Lượng nhập khẩu thép hình chữ H vào Việt Nam**

*Đơn vị: Tấn*

	POI-2	POI-1	POI
Lượng nhập khẩu từ Trung Quốc	157,762	191,089	300,830
Tốc độ tăng trưởng		21.13%	57.43%
Tổng nhập khẩu vào Việt Nam	184,760	255,235	343,523
Tốc độ tăng trưởng		38.14%	34.59%



**Hình 1: Lượng nhập khẩu thép hình chữ H vào Việt Nam**

Qua biểu đồ và bảng số liệu trên đây, có thể nhận thấy lượng nhập khẩu sản phẩm đang được xem xét từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng liên tục trong ba (03) năm và có sự gia tăng đột biến trong giai đoạn từ POI-1 đến POI với mức tăng gần 60%.

Bên cạnh đó, thông qua số liệu về thị phần nhập khẩu trong hồ sơ yêu cầu cũng có thể thấy tỷ lệ lớn lượng nhập khẩu mặt hàng này là từ Trung Quốc. Cụ thể, trong POI, lượng nhập khẩu sản phẩm thép hình chữ H từ Trung Quốc chiếm 88% tổng lượng nhập khẩu vào Việt Nam. Số liệu trên cho thấy rõ sự thống lĩnh về thị phần của hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong khi lượng sản xuất trong nước chỉ chiếm một phần rất nhỏ và không có xu hướng phát triển tốt thì lượng thép nhập khẩu từ Trung Quốc có chiều hướng gia tăng rõ nét.

## 7. Cáo buộc thiệt hại

Theo Hồ sơ yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá, ngành sản xuất trong nước của sản phẩm tương tự hàng hóa bị yêu cầu áp dụng biện pháp chống bán phá giá chỉ mới bắt đầu sản xuất thương mại và vẫn chưa được hình thành.

Bên yêu cầu cáo buộc rằng lượng và giá của hàng hóa nhập khẩu bị điều tra, bên cạnh các yếu tố khác dưới đây, đã tạo ra tác động tiêu cực tới việc hình thành ngành sản xuất hàng hóa tương tự trong nước.

- Khoảng thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước



Căn cứ nghiên cứu thông lệ quốc tế về việc xác định khoảng thời gian hoạt động của ngành sản xuất trong nước, Cơ quan điều tra xét thấy: Ngành sản xuất trong nước chưa hình thành có thể là ngành sản xuất còn phôi thai chưa bắt đầu sản xuất; hoặc là ngành sản xuất mới ra đời, đã bắt đầu sản xuất nhưng vận hành chưa ổn định.

Trong trường hợp này, theo hồ sơ yêu cầu, ngành sản xuất trong nước bắt đầu sản xuất và bán thương mại tại Việt Nam từ quý II/2015. Tính tới thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu (quý III/2016), ngành sản xuất trong nước đã hoạt động được khoảng 15 tháng. Cơ quan điều tra xác định rằng đây là một khoảng thời gian đủ dài để được coi là ngành sản xuất mới ra đời, đã bắt đầu sản xuất nhưng chưa đủ để vận hành ổn định.

- **Quy mô của ngành sản xuất trong nước**

Về kinh tế vĩ mô, kinh tế Việt Nam được đánh giá có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao bất chấp sự trì trệ của kinh tế toàn cầu. Quy mô của thị trường Việt Nam được xác định là ngày càng tăng, có tiềm năng phát triển nhưng cơ sở thiết bị hiện thời không bắt kịp nhu cầu. Việc đầu tư tại Việt Nam là một dự án quy mô lớn nhằm xây dựng một khu vực sản xuất toàn cầu đáp ứng triển vọng tăng trưởng thị trường, đồng thời đặt nền móng cho mạng lưới bán hàng ở nước ngoài.

Sản lượng dự kiến (theo công suất thiết kế): 700,000 tấn/năm. Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng có nhiều dự án quy mô lớn, dự án xây dựng thành phố mới và đóng tàu..., nhu cầu thép hình tại Việt Nam được đánh giá sẽ liên tục gia tăng, gây ra sự thiếu hụt nghiêm trọng, phụ thuộc vào nhập khẩu và ảnh hưởng xấu tới cán cân thương mại.

- **Xác định điểm hòa vốn của ngành sản xuất trong nước**

Ngành chưa đạt đến điểm hòa vốn mặc dù tính khả thi của dự án đã được đánh giá bởi Công ty Dịch vụ và Đầu tư Hàn Quốc (KIS) – một công ty con của Moody (công ty đánh giá tín dụng quốc tế uy tín). Theo đánh giá này:

- Tính lợi nhuận của Dự án này sẽ thuận theo những xu hướng kinh tế vĩ mô. Trong tầm nhìn chiến lược trung đến dài hạn, khi mà thị trường thép Việt Nam và nền kinh tế quốc gia được kỳ vọng sẽ trở nên ổn định, khả năng sinh lợi của Dự án này cũng sẽ dần ổn định và tăng dần theo thời gian.

- Theo như phân tích, sự hoàn vốn gốc và lãi khi đến kỳ hạn là khả thi dựa theo KIS và các tính toán thận trọng. Dù cho tình hình thị trường không thuận lợi và nền kinh tế vĩ mô không ổn định, khả năng hoàn vốn gốc và lãi được đánh giá rất tốt khi xét thấy vị trí thị trường tương lai của Dự án này sẽ là đơn vị đầu tiên tham gia thị trường thép hình kích thước trung/lớn ở Việt Nam, thông qua quy mô kinh tế và điều kiện đảm bảo chi trả vốn gốc và lãi bởi POSCO Specialty Steel.

## 8. Bên liên quan

Bên liên quan có quyền:

- Tiếp cận các thông tin lưu hành công khai của vụ việc;
- Nhận được các thông báo liên quan đến vụ việc;
- Góp ý vào các dự thảo kết luận điều tra của vụ việc;
- Tham gia phiên tham vấn công khai.

Cá nhân và tổ chức muốn đăng ký làm bên liên quan cần gửi đơn đăng ký (thông qua bưu điện hoặc bằng email) đến Cơ quan điều tra theo địa chỉ tại mục 14 của Thông báo này **trước 17:00 ngày 10 tháng 11 năm 2016**. Cơ quan điều tra khuyến nghị tất cả các tổ chức, cá nhân đang xuất nhập khẩu, phân phối, kinh doanh, sử dụng hàng hóa bị điều tra (thép hình chữ H) đăng ký làm bên liên quan để đảm bảo các quyền lợi của chính mình theo quy định pháp luật.

## 9. Bản câu hỏi và trả lời

Bản câu hỏi điều tra sẽ được gửi đến các bên liên quan sau ngày ra quyết định điều tra. Bản trả lời câu hỏi và các ý kiến liên quan đến vụ việc phải được gửi dưới dạng văn bản bằng tiếng Việt trong thời hạn do Cục QLCT quy định. Tất cả các bên liên quan có quyền nêu quan điểm của mình về vụ việc này trong suốt quá trình điều tra. Bộ Công Thương có trách nhiệm xem xét tất cả các thông tin, chứng cứ, quan điểm của các bên liên quan trước khi đưa ra kết luận cuối cùng về vụ việc.

Trong vụ việc này, Cơ quan điều tra không chọn mẫu doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu mà sẽ gửi bản câu hỏi đến tất cả các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Việt Nam dựa trên thông tin do Cơ quan Hải quan cung cấp. Bên cạnh đó, Cơ quan điều tra cũng sẽ gửi bản câu hỏi cho Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam và Bộ Thương mại Trung Quốc để đảm bảo tất cả các doanh nghiệp Trung Quốc sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Việt Nam đều có cơ hội nhận được bản câu hỏi.



Do đó, **TẤT CẢ** các doanh nghiệp Trung Quốc sản xuất, xuất khẩu hàng hóa bị điều tra vào Việt Nam cần trả lời bản câu hỏi và hợp tác với Cơ quan điều tra trong suốt quá trình điều tra. Việc không trả lời bản câu hỏi, không hợp tác đầy đủ với Cơ quan điều tra sẽ dẫn đến khả năng Cơ quan điều tra ra kết luận dựa trên những thông tin, tài liệu sẵn có căn cứ theo Khoản 2 Điều 13 Pháp lệnh 20/2004.

#### **10. Trình tự điều tra**

- Theo quy định tại Điều 17 Pháp lệnh 20/2004, trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày có quyết định điều tra, Cơ quan điều tra công bố kết luận sơ bộ. Trường hợp đặc biệt, thời hạn đưa ra kết luận sơ bộ có thể được gia hạn nhưng không quá sáu mươi ngày. Trên cơ sở kết luận sơ bộ của Cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ Công Thương sẽ ra Quyết định về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp chống bán phá giá tạm thời.

- Theo quy định tại Điều 18 Pháp lệnh 20/2004, khi kết thúc quá trình điều tra, Cơ quan điều tra công bố kết luận cuối cùng về các nội dung liên quan đến quá trình điều tra. Kết luận cuối cùng và các căn cứ chính để kết luận cuối cùng phải được thông báo bằng phương thức thích hợp cho các bên liên quan đến quá trình điều tra.

- Theo quy định tại Khoản 3 Điều 33 Nghị định 90/2005, trong thời hạn 07 ngày làm việc, tính từ ngày công bố kết luận cuối cùng, Cơ quan điều tra phải gửi Hội đồng xử lý bộ hồ sơ vụ việc chống bán phá giá. Theo quy định tại Điều 11, Nghị định 90/2005 Hội đồng xử lý có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Xem xét các kết luận của Cơ quan điều tra theo quy định tại Điều 39 Nghị định này;

- Thảo luận và quyết định theo đa số về việc có hoặc không có bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước;

- Kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá trên cơ sở các quy định tại Điều 39 Nghị định này.

#### **11. Tham vấn trong quá trình điều tra**

Cơ quan điều tra sẽ tổ chức phiên tham vấn công khai với các bên liên quan đến vụ việc trước khi kết thúc điều tra. Thời gian tiến hành phiên tham vấn sẽ được thông báo cho các bên liên quan 45 ngày trước khi diễn ra phiên tham vấn. Chậm nhất là 30 ngày trước ngày tổ chức phiên tham vấn, các bên liên quan phải gửi văn bản đăng ký tham gia phiên tham vấn cho Cơ quan điều tra, trong đó nêu rõ những vấn đề cần tham vấn kèm theo lập luận bằng văn bản.

## 12. Áp dụng thuế chống bán phá giá có hiệu lực trở về trước

Theo quy định tại điều 23 của Pháp lệnh số 20/2004, trong trường hợp cần thiết Bộ Công Thương sẽ tiến hành áp dụng thuế chống bán phá giá có hiệu lực trở về trước nhằm ngăn chặn tình trạng hàng hóa bán phá giá vào Việt Nam tăng nhanh đột biến gây ra thiệt hại khó có khả năng khắc phục cho ngành sản xuất trong nước.

## 13. Bảo mật thông tin

Khi cung cấp các thông tin được đề nghị bảo mật, bên cung cấp thông tin phải gửi kèm theo thông tin đó bản giải trình chi tiết về lý do đề nghị bảo mật thông tin và bản tóm tắt những nội dung của thông tin mật có thể công bố công khai cho các bên liên quan khác. Nếu bên liên quan cho rằng không thể tóm tắt được, cần giải trình lý do không thể tóm tắt được. Tất cả các tài liệu mật do các bên liên quan cung cấp được Cơ quan điều tra bảo quản theo chế độ tài liệu mật và chỉ phục vụ mục đích của vụ việc điều tra này.

## 14. Thông tin liên hệ

Mọi thông tin liên lạc đề nghị gửi về:

Phòng Điều tra vụ kiện phòng vệ thương mại của doanh nghiệp trong nước

Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương

Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (+84 4) 2220.5018

Điều tra viên phụ trách vụ việc:

- Anh Phùng Gia Đức: (+84 4) 2220.5018 (Máy lẻ: 1037); email: [ducpg@moit.gov.vn](mailto:ducpg@moit.gov.vn)

- Chị Vũ Quỳnh Giao: (+84 4) 2220.5018 (Máy lẻ: 1038); email: [giaovq@moit.gov.vn](mailto:giaovq@moit.gov.vn)

Thông tin chi tiết về Quyết định tiến hành điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với hàng hóa bị điều tra có thể truy cập tại trang thông tin điện tử của Cục Quản lý cạnh tranh - Bộ Công Thương: [www.vca.gov.vn](http://www.vca.gov.vn) hoặc [www.qlct.gov.vn](http://www.qlct.gov.vn).